TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA HANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **105**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 12 - 2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quan Văn Ngụ
Bà Nông Thị Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Duy Minh Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang* tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại hội trường nhà văn hóa Ủy ban nhân dân xã Côn Lôn, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; Toà án nhân dân huyện Na Hang mở phiên tòa lưu động xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2024/TLST-HNGĐ, ngày 28/10/2024 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/12/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Thôn X, xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Thôn X, xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

(*Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Nguyễn Văn Ph đều có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Ph tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và chung sống với nhau từ năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 14/01/2010. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại thôn X, xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình, anh Ph có tính hay ghen, mỗi khi uống

rượu về hay đánh đập, chửi bới chị. Vì thương con chị cố gắng nhẫn nhịn. Đến năm 2023 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, anh Ph ghen tuông vô cớ nên có hành vi đánh đập, đe dọa giết chị. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng thêm nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 7/2024 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Nguyễn Văn Ph đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ, nuôi dạy con cái trưởng thành được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ph, để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Nguyễn Văn Ph có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 06/02/2009. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu L sống cùng chị và ông bà ngoại. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc L đến tuổi trưởng thành vì cháu là con gái. Chị không yêu cầu anh Nguyễn Văn Ph phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Nguyễn Thị Ngọc L.

Về tài sản, đất đai chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có tạo lập được một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản lấy lời khai và Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn Ph trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2008, đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Sau ngày cưới vợ chồng anh về chung sống tại thôn X, xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, mặc dù thỉnh thoảng có xảy ra cãi vã, mắng chửi nhau. Nhưng đến khoảng tháng 6/2024 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên chị H đã tự ý đưa con gái về sống cùng bố mẹ đẻ tại xã Yên Hoa, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang và sống ly thân với anh từ đó cho đến nay. Mặc dù bản thân anh và hai bên gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng chị H vẫn kiên quyết không quay về đoàn tụ mà tiếp tục sống ly thân với anh. Do đó, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng với chị H cũng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh nhất trí ly hôn với chị Nguyễn Thị H để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống mới, hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Nguyễn Thị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 06/02/2009. Kể từ khi vợ chồng ly thân thì cháu L sống cùng chị H và ông bà ngoại tại xã Yên Hoa, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Khi anh và chị H ly hôn nếu cháu L có nguyện vọng sống cùng ai thì anh sẽ tôn trọng quyết định của con.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chưa tạo lập được tài sản, đất đai chung; cũng không có vay nợ chung do đó anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Văn Ph chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ không có lý do).

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ph.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 06/02/2009 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn Ph không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn Nguyễn Văn Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung với anh Nguyễn Văn Ph, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn Ph có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Nguyễn Văn Ph đều có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Văn Ph chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ không có lý do).

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Ph tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 14/01/2010. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại thôn X, xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không hóa giải được mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ tháng 6/2024 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Cả chị H và anh Ph đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Ph đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ph là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Các đương sự xác định quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 06/02/2009. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc L và không yêu cầu anh Nguyễn Văn Ph phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại Biên bản lấy lời khai và Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn Ph xác định kể từ khi vợ chồng ly thân thì cháu Nguyễn Thị Ngọc L sống cùng mẹ và ông bà ngoại nên khi ly hôn nếu cháu L có nguyện vọng sống cùng ai thì sẽ tôn trọng quyết định của con. Trong Biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Thị Ngọc L thể hiện nguyện vọng muốn sống cùng mẹ. Do đó,

theo nguyện vọng của con chung và theo đề nghị của các đương sự, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Ngọc L cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn Ph không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai chung: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H xác định vợ chồng có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn anh Nguyễn Văn Ph xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do cả hai đương sự đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác định không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử cũng không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn anh Nguyễn Văn Ph không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ph (*Giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 14/01/2010 tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang*)..

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 06/02/2009 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn Ph không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000885, ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Ghi nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Ph không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Nguyễn Văn Ph được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hữu San